

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 2.3.2022

PHẬT RÕ MA NHƯNG MA KHÔNG RÕ PHẬT

Kinh Sur Tử (Kinnusīhasuttam)

CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ HAI (S.i, 110)

Ma nhìn Phật thuyết pháp đông dặc giữa hội chúng đông đảo sanh tâm trịch thượng nghĩ là “ở xứ mù thàng chợt làm vua”. Tâm ma chỉ biết có hơn thua, cao thấp. Tâm Phật đã vượt khỏi mọi ái chấp trong đời. Phật thuyết pháp độ sanh chỉ vì lòng bi mẫn. Ngài chẳng mong cầu gì ở thế gian vì thế gian đối với Phật có gì để mong cầu?. Các Đấng Như Lai là những Bậc Đại Hùng không phải vì địa vị, quyền lực mà chính là cảnh giới của vô-biên-trí quán triệt vạn pháp, không còn chấp thủ.



Kinh Văn

Ekam samayaṃ bhagavā sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena bhagavā mahatiyā parisāya parivuto dhammaṃ deseti.

Thuở ấy Đức Thế Tôn trú ở Sāvatti, Kỳ Viên, ngôi già lam của ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn đang thuyết với hội chúng đông đảo vây chung quanh.

Atha kho māraṃsa pāpimato etadahosi – “ayaṃ kho samaṇo gotamo mahatiyā parisāya parivuto dhammaṃ deseti. Yaṃnūnāhaṃ yena samaṇo gotamo tenupasaṅkameyyaṃ vicakkhukammāyā”ti.

Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama đang thuyết với hội chúng đông đảo vây chung quanh. Vậy ta hãy đến Sa-môn Gotama và làm mờ loạn hội chúng ấy."

Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi –

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn nói với Ngài kệ ngôn:

**“Kinnu sīhova nadasi, parisāyaṃ visārado;
Paṭimallo hi te atthi, vijitāvī nu maññasī”ti.**

Cát tiếng sư tử hống
Giữa hội chúng tự tin
Nhưng vẫn có đối thủ
Đừng nghĩ mình chiến thắng!

**“Nadanti ve mahāvīrā, parisāsu visāradā;
Tathāgatā balappattā, tiṇṇā loke visattika”nti.**

(Thế Tôn)

Đại hùng cát tiếng vang
Tự tại giữa đại chúng
Như Lai với Phật lực
Vượt ái chấp ở đời

**Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato”ti dukkhī
dummano tatthevantaradhāyīti.**

Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta" nên buồn và thất vọng
liền biến mất tại chỗ ấy.



Thích văn

Kinnu sīhova nadasi = Tại sao người cát tiếng sư tử hống?
parisāyaṃ visārado = tự tin giữa hội chúng
Paṭimallo hi te atthi = Khi vẫn có đối thủ sẽ quật ngã người
vijitāvī nu maññasī”ti = sao vẫn tưởng mình là kẻ chiến thắng

Nadanti ve mahāvīrā = Những bậc đại hùng cát tiếng đồng dục
parisāsu visāradā = tự tin giữa hội chúng
Tathāgatā balappattā = Như Lai chứng Phật lực
tiṇṇā loke visattikan’ti = đã vượt qua ái chấp trong đời



Thích nghĩa

Vicakkhukammāya nghĩa đen “đề không còn có mắt” ý nói là cho mờ loạn tâm tư

Theo Sớ giải “hội chúng” ở đây chỉ cho tám hội chúng là hội chúng sát đế ly, hội chúng bà la môn, hội chúng gia chủ, hội chúng tứ thiên vương, hội chúng tam thập tam thiên, hội chúng ma vương, hội chúng phạm thiên (*khattiya, brāhmaṇa, gahapati, samaṇa, cātummahārājika, tāvatimsa; māra, brahma*)

Theo sớ giải sức mạnh Như Lai chứng đạt (*Tathāgatā balappattā*) là Mười Như Lai lực (*Tathāgatabalañāṇa*):

1. Trí biết cái gì có thể và cái gì không có thể (*Thānāṭhānañāṇa*).
2. Trí biết tận tường nghiệp quả (*Kammavipākañāṇa*).
3. Trí biết biết rõ con đường dẫn đến tất cả cảnh giới sanh tử (*Sabbatthagāminīpaṭipadāñāṇa*).
4. Trí biết rõ tánh chất sai biệt của vạn hữu (*Nānādhātuñāṇa*).
5. Trí biết rõ khuynh hướng sai biệt của chúng sanh (*Nānādhimuttikañāṇa*).
6. Trí biết căn cơ cao thấp của chúng sanh (*Indriyaparopariyattañāṇa*).
7. Trí biết rõ sự thanh tịnh, ô nhiễm và xuất ly của thiên định (*Jhānādisaṅkilesādiñāṇa*).
8. Trí biết rõ tiền kiếp (*Pubbenivāsānussatiñāṇa*).
9. Trí biết rõ đầu mối sanh tử (*Cutūpapātañāṇa*).
10. Trí đoạn tận lậu hoặc (*Āsavakkhayañāṇa*).

2. Kinnusīhasuttam [Mūla]

148. Ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena bhagavā mahatiyā parisāya parivuto dhammaṃ deseti.

Atha kho māraṃ pāpimato etadahosi – “ayaṃ kho samaṇo gotamo mahatiyā parisāya parivuto dhammaṃ deseti. Yaṃnūnāhaṃ yena samaṇo gotamo tenupasaṅkameyyaṃ vicakkhukammāyā”ti. Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Kinnu sīhova nadasī, parisāyaṃ visārado;
Paṭimallo hi te atthi, vijitāvī nu maññasī”ti.

“Nadanti ve mahāvīrā, parisāsu visāradā;
Tathāgatā balappattā, tiṇṇā loke visattika”nti.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato”ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

2. Kinnusīhasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

148. Dutiye vicakkhukammāyāti parisāya paññācakkhuṃ vināsetukamyatāya. Buddhānaṃ panesa paññācakkhuṃ vināsetuṃ na sakkoti, parisāya bheravārammaṇaṃ sāvento vā dassento vā sakkoti. Vijitāvī nu maññasīti kiṃ nu tvaṃ “vijitavijayo aha”nti maññasī? Mā evaṃ maññi, natthi te jayo. Parisāsūti, aṭṭhasu parisāsu. Balappattāti dasabalappattā. Dutiyaṃ.